

Thứ năm, ngày 1 tháng 6 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index bật tăng

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 2/6/2023		●	
Tuần 29/5-2/6/2023		●	
Tháng 06/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường tiếp tục có một phiên giằng co trước ngưỡng kháng cự 1,080 trong ngày hôm nay. Kết phiên, chỉ số đóng cửa tại mốc 1,078.39 điểm, tăng hơn 3 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 12/19 ngành tăng điểm, trong đó những ngành tăng tốt hôm nay có thể kể đến Hóa chất, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Ngưỡng 1,080 đang cho thấy lực mua tốt, trong những phiên tới thị trường có khả năng sẽ tiếp tục tích lũy quanh ngưỡng này.

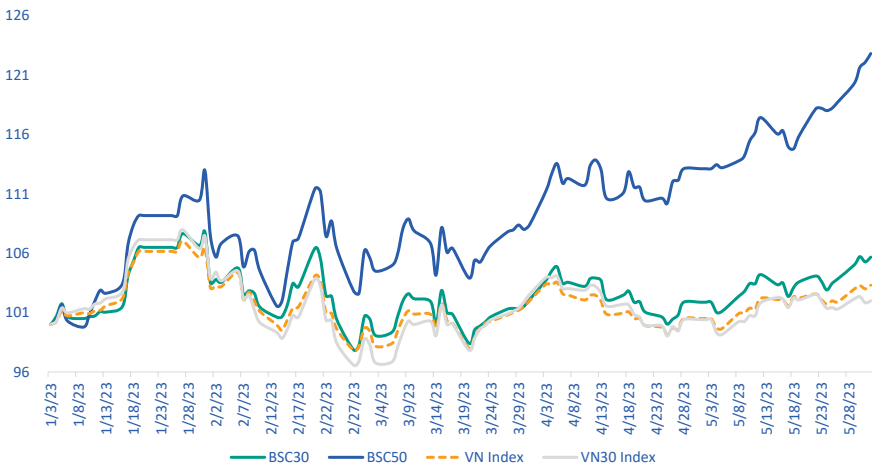
Hợp đồng tương lai: Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, VN30F2312 biến động trái chiều. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 01/06/2023, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+3.22** điểm, đóng cửa **1078.39** điểm. HNX-Index **+1.16** điểm, đóng cửa **223.97** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GVR (+0.6)**, **TPB (+0.46)**, **OCB (+0.36)**, **TCB (+0.31)**, **HPG (+0.29)**.
- Kéo chỉ số giảm: **ACB (-0.58)**, **VHM (-0.55)**, **GAS (-0.38)**, **FPT (-0.17)**, **VRE (-0.15)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **12,898** tỷ đồng, giảm **-8.54%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 13,861 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 6.78 điểm. Thị trường có **216** mã tăng, **74** mã tham chiếu, **156** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-116.05** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VNM (-26.3 tỷ)**, **HAH (-25.01 tỷ)**, **GEX (-24.2 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **17.35** tỷ đồng.

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường (Chi tiết - trang 5)



BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn
Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn
Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn
Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn
Nguyễn Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

VN-INDEX **1078.39**
Giá trị: 12898.29 tỷ **3.22 (0.29%)**
Khối ngoại (ròng): -116.05 tỷ

HNX-INDEX **223.97**
Giá trị: 1628.38 tỷ **1.16 (0.52%)**
Khối ngoại (ròng): 17.35 tỷ

UPCOM-INDEX **83.51**
Giá trị: 760.25 tỷ **1.46 (1.78%)**
Khối ngoại (ròng): -11.4 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	68.4	0.51%
Giá vàng	1,955	-0.38%
Tỷ giá USD/VND	23,729	0.06%
Tỷ giá EUR/VND	25,070	-0.11%
Tỷ giá JPY/VND	16,837	0.21%
LS liên NH 1 tháng	4.5%	0.18%
LS TPCP 5 năm	2.5%	-0.25%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FRT	22.58	VNM	-26.30
NVL	17.01	HAH	-25.01
DIG	15.17	GEX	-24.20
SSI	14.27	CTG	-24.13
VIC	12.87	GAS	-20.56

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Hiệu suất PTKT	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Thông kê thị trường	Trang 5
Danh mục BSC30	Trang 6
Danh mục BSC50	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 1/6

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	68.26	0.97%	-9.85%	-10.82%	-31.31%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	74.61	1.24%	-8.56%	-9.75%	-27.96%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.50	2.33%	-4.22%	-4.85%	-21.59%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	Ounce	1919.24	0.06%	4.83%	4.22%	-1.20%		PNJ
Bạc	Ounce	21.67	-0.52%	7.98%	-0.25%	-14.46%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1491.50	0.15%	-1.27%	-2.02%	-10.61%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	Bushel	699.00	-0.53%	4.99%	-9.95%	-35.04%	AFX	
Sữa	Cwt	18.00	0.17%	1.35%	0.56%	-19.61%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	129.30	-2.42%	-3.94%	-5.90%	-24.69%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	20.76	1.27%	-1.84%	-3.04%	11.08%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS,
Chè	Kg	2.95	5.36%	5.36%	6.50%	6.50%		
Cà phê	LB	185.50	4.65%	4.21%	-1.70%	-14.63%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	LB	3.89	-0.11%	-4.01%	-5.27%	-17.23%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/ton	4255.00	-2.03%	0.00%	2.41%	-13.52%		HPG
Nhôm	Ton	2285.00	0.35%	-1.85%	-4.29%	-32.49%	CAV, SAM, TGP, VTH	
Quặng sắt	Ton	134.50	0.75%	4.67%	5.91%	-4.95%	HPG	
Than đá	Ton	175.00	-2.78%	-3.85%	-18.22%	-48.53%	HT1,HPG	HLC, NBC, TNT, THT

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn giao tháng 8 giảm 1.11 USD xuống 72.60 USD/thùng. Dầu thô Trung cấp Tây Texas của Mỹ (WTI) giảm 1.37 USD, tương đương 2%, xuống còn 68.09 USD.
- Giá dầu giảm trong phiên thứ Tư, chịu áp lực bởi đồng USD mạnh hơn và dữ liệu yếu từ Trung Quốc làm gia tăng lo ngại về nhu cầu.

Giá vàng

- Giá vàng giao ngay kết thúc phiên đã tăng 0.4% lên 1,966.89 USD/ounce do dữ liệu Chỉ số quản lý mua hàng (PMI) của Chicago yếu hơn dự kiến, sau đó giá hạ nhiệt do dữ liệu việc làm tốt hơn của Mỹ.
- Giá vàng tăng trong phiên thứ Tư nhờ lợi suất trái phiếu kho bạc giảm, nhưng sức mạnh của đồng USD, với nhiều đợt tăng lãi suất sắp xảy ra và sự lạc quan về một thỏa thuận nợ của Mỹ, đã khiến vàng thời giảm tháng đầu tiên trong vòng 3 tháng.

Giá quặng sắt

- Quặng sắt kỳ hạn tháng 9 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên (DCE) đã kết thúc phiên với mức giảm 0.42% xuống 711 nhân dân tệ (102.86 USD)/tấn. Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 6 trên Sàn giao dịch Singapore đã đảo chiều tăng 0.55% lên 101.75 USD/tấn vào cuối phiên, sau khi chạm mức thấp nhất kể từ ngày 25 tháng 5 là 97.2 USD trước đó.
- Giá sắt thép trên thị trường Trung Quốc giảm do dữ liệu kinh tế Trung Quốc yếu hơn dự kiến, với chỉ số PMI trong ngành thép nước này đã giảm 9.8 điểm cơ bản so với tháng trước xuống còn 35.2 trong tháng 5.

Giá nông sản

- Giá lúa mì trên Sàn giao dịch thương mại Chicago (CBOT) giảm 2.5% xuống 5.76 - 1/4 USD/bushel vào cuối phiên, sau khi có thời điểm chạm mức thấp nhất kể từ tháng 12/2020. Giá ngô trên sàn CBOT giảm 1.3% xuống 5.86-1/4 USD/bushel, lùi xa hơn so với mức cao nhất một tháng đạt được hôm thứ Sáu. Giá đậu tương tăng 1.2% lên 12.81 USD/bushel sau khi chạm mức yếu nhất kể từ tháng 12 năm 2021 trước đó.

Thị trường chứng khoán thế giới

	1/6	% 1/6	31/5	% 31/5	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1078.39	0.30%	1075.17	5.09%	1.29%	3.73%
S&P 500			4179.83	-0.61%	0.83%	0.25%
HDTL S&P500	4193.50	0.07%	4190.50	7.76%	1.64%	0.19%
Shang-hai	3204.64	0.00%	3204.56	3.14%	0.11%	-2.47%
Euro Stoxx	4255.04		4218.04	9.56%	-0.34%	-0.93%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thông kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
5/23/2023	REE	61.45	70	58	61.3	9	-0.24%	Có thể tiếp tục mua
5/12/2023	CTD	64.6	72	61	64	20	-0.93%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/27/2023	VG	11.6	13.5	10.65	12.6	35	8.62%	Có thể tiếp tục mua
3/7/2023	HPG	21.1	24	19.8	21.4	86	1.42%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu			

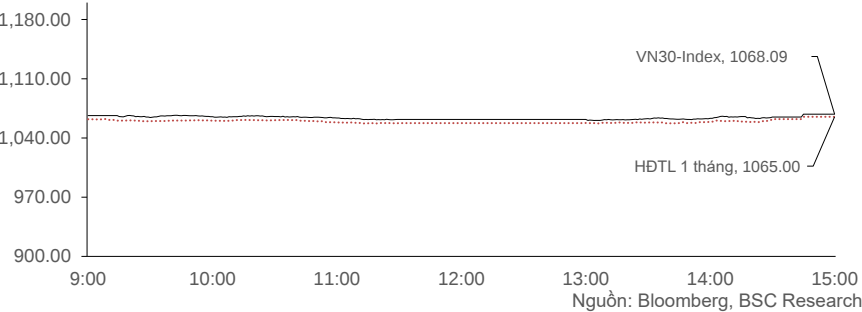
Thông kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
3/16/2023	GVR	15	16.9	14	TP	57	12.67%
3/8/2023	FRT	72.4	85	70	SL	9	-3.31%
3/2/2023	DDV	8.6	10	8	TP	88	16.28%
1/31/2023	DGC	60.3	70	56.6	SL	8	-6.14%
12/19/22	VCS	57.7	70.5	53.3	SL	46	-7.63%
5/8/22	DRC	29.5	34	28.2	SL	54	-4.41%
4/8/22	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%
7/18/22	GVR	23.2	23.5	21.9	TP	65	1.29%
27/6/22	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
1/6/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
25/5/22	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
Chú thích:		Danh sách thông kê 15 mã đóng vị thế gần nhất			TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thông kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	2	2	5.02%	-0.59%	2.22%	38
Cổ phiếu đã chốt	253	232	6.92%	-7.45%	4.01%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2312	1057.50	0.00%	-10.59	45.5%	32	12/21/2023	203
VN30F2307	1061.00	0.15%	-7.09	362.6%	842	7/20/2023	49
VN30F2306	1065.00	0.23%	-3.09	13.9%	151,091	6/15/2023	14
VN30F2309	1059.90	0.20%	-8.19	-64.7%	12	9/21/2023	112

Source: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 1.76 điểm lên 1068.09 điểm, biên độ dao động 7.8 điểm. Các cổ phiếu như TPB, TCB, HPG, STB, và MBB đã tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 bật tăng cuối phiên. Chỉ số đóng cửa tăng 0.17% so với phiên trước. Thanh khoản thị trường nằm trên đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HDTL tăng theo nhịp vận động của VN30, VN30F2312 biến động trái chiều. Xét về khối lượng, VN30F2309 giảm, tất cả các hợp còn lại đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2309 giảm, tất cả các hợp đồng còn lại đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CTPB2301	8/7/2023	67	2.7:1	136,800	35.79%	1,000	1,120	24.44%	1,255	0.89	14,229	26,000	26,150
CTCB2214	6/6/2023	5	3:1	258,300	43.98%	1,800	1,020	4.08%	1,104	0.92	51,200	27,000	30,300
CMWG2214	9/5/2023	96	10:1	1,163,000	43.93%	2,500	270	3.85%	135	2.001	20,880	46,500	39,300
CMBB2213	6/6/2023	5	3:1	404,800	38.91%	2,800	560	3.70%	602	0.93	26,140	17,000	18,800
CHPG2306	11/9/2023	161	3:1	503,900	48.30%	1,970	1,110	1.83%	1,206	0.92	23,300	20,000	21,400
CVPB2214	9/5/2023	96	4:1	1,650,100	38.15%	1,650	930	0.00%	767	1.21	42,040	17,000	19,400
CMWG2302	11/9/2023	161	6:1	2,230,000	43.93%	1,100	300	0.00%	276	1.09	22,200	50,000	39,300
CACB2208	9/5/2023	96	4:1	259,300	35.38%	1,100	1,300	0.00%	402	3.24	25,900	21,500	21,400
CMWG2215	11/1/2023	153	10:1	654,500	43.93%	1,170	480	0.00%	269	1.78	19,740	45,000	39,300
CTCB2216	11/1/2023	153	4:1	124,100	43.98%	1,200	1,520	0.00%	1,295	1.17	80,159	27,500	30,300
CFPT2212	6/6/2023	5	10:1	162,700	24.25%	1,850	1,340	-1.47%	1,353	0.99	88,200	70,000	83,500
CHPG2227	11/1/2023	153	2:1	1,034,900	48.30%	1,100	1,900	-2.56%	1,641	1.16	19,589	20,500	21,400
CSTB2224	9/5/2023	96	2:1	293,300	49.40%	1,640	4,320	-2.92%	4,231	1.02	103,200	20,000	28,000
CMBB2214	9/5/2023	96	2:1	199,600	38.91%	2,700	1,540	-3.75%	1,312	1.17	26,140	17,000	18,800
CSTB2303	11/9/2023	161	2:1	30,600	49.40%	1,100	3,700	-4.64%	3,709	1.00	50,700	22,000	28,000
CVHM2216	8/31/2023	91	8:1	582,000	39.74%	1,000	190	-5.00%	191	0.99	16,453	62,000	53,000
CFPT2214	11/1/2023	153	10:1	95,900	24.25%	1,870	1,430	-7.74%	1,069	1.34	81,200	76,000	83,500
CFPT2303	11/9/2023	161	10:1	162,100	24.25%	2,240	620	-11.43%	503	1.23	94,500	86,000	83,500
CFPT2210	8/31/2023	91	10:1	415,900	24.25%	1,300	310	-13.89%	199	1.55	29,260	90,000	83,500
CVRE2221	11/1/2023	153	4:1	309,800	43.42%	1,000	500	-15.25%	340	1.47	25,188	32,500	26,850

Tổng10,671,60039.12%**													
Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhấtCR: Tỷ lệ chuyển đổi													
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn													
**Trung bình độ lệch chuẩnGiá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes													

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 1/6/2023, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CHPG2227 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 19.43%. Giá trị giao dịch tăng 9.53%. CHPG2227 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 19.43%.
- CSTB2302, CVNM2211, CVIB2301, và CMBB2303 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CSTB2224, CSTB2225, CTPB2301, và CHPG2302 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CSTB2224, CSTB2225, CSTB2303, và CHPG2225 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GVR	18.80	3.30	0.60	4.25MLN
TPB	26.15	4.60	0.46	13.57MLN
OCB	18.00	6.19	0.36	2.83MLN
TCB	30.30	1.17	0.31	4.78MLN
HPG	21.40	0.94	0.29	10.84MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
ACB	21.40	-3.11	-1	12.76MLN
VHM	53.00	-0.93	-1	913700
GAS	92.00	-0.86	0	548100
FPT	83.50	-0.71	0	537300
VRE	26.85	-0.92	0	4.88MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

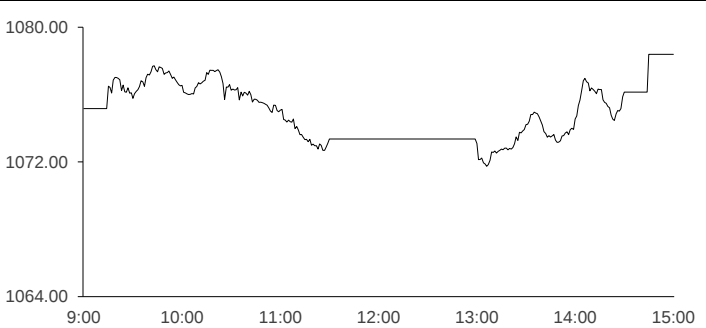
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DXS	8.41	7.00	0.06	5.53MLN
ITA	5.66	6.99	0.09	9.66MLN
VNS	18.40	6.98	0.02	316700
CRC	5.83	6.97	0.00	222600
LGL	4.46	6.95	0.00	3.53MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	21.40	-3.11	-0.58	12.76MLN
VHM	53.00	-0.93	-0.55	913700
GAS	92.00	-0.86	-0.38	548100.00
FPT	83.50	-0.71	-0.17	537300
VRE	26.85	-0.92	-0.15	4.88MLN

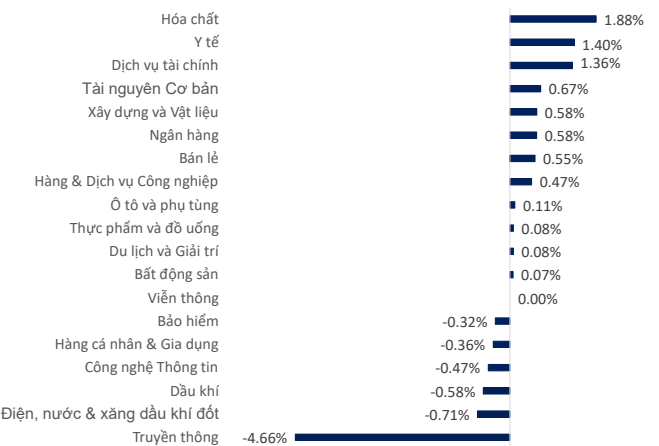
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
Vận động ngành



Nguồn: Fiinpro

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KSF	41.30	7.27	0.69	38500.00
NVB	13.60	3.03	0.33	270100
SHS	11.80	1.72	0.25	20.96MLN
NDN	9.90	7.61	0.08	1.01MLN
DDG	9.50	9.20	0.07	5.08MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VC3	29.00	-9.38	-0.25	1.11MLN
HTP	35.20	-7.12	-0.22	33300
PVS	30.60	-1.29	-0.16	6.31MLN
PTI	29.00	-5.84	-0.07	10700
PVI	49.50	-1.98	-0.06	28700

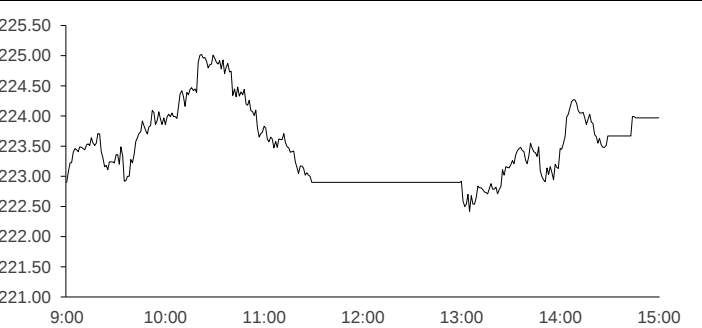
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CMS	6.60	10.0	0.01	25700
DL1	5.50	10.0	0.05	2.34MLN
KSQ	2.20	10.0	0.01	616600
CET	4.50	9.8	0.00	30700
ITQ	3.40	9.7	0.01	1.52MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

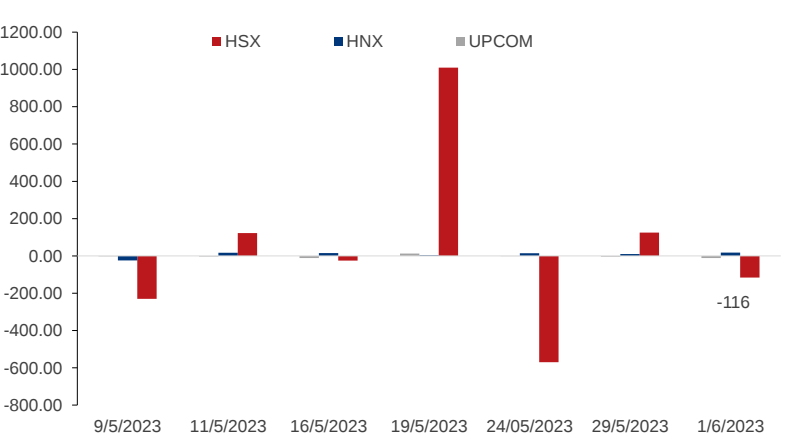
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VC3	29.00	-9.38	-0.25	1.11MLN
VNT	54.00	-8.47	-0.02	40000
GLT	18.30	-8.04	-0.01	2400
PJC	20.40	-7.27	-0.01	100
HTC	19.20	-7.25	-0.02	900

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

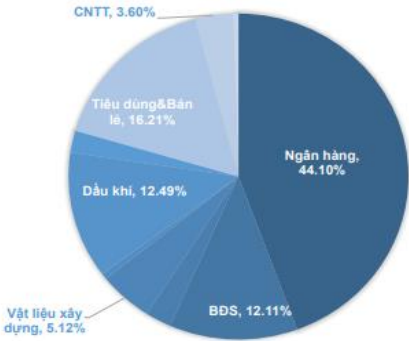
Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo bảo
VCB	Ngân hàng	93.9	-0.1%	0.9	19,321	2.6	7,311	12.8	105,000	23.6%	Link
BID	Ngân hàng	43.9	-0.2%	1.0	9,655	1.2	4,208	10.4	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	19.4	0.5%	1.2	5,662	8.2	3,972	4.9	23,685	28.1%	Link
TCB	Ngân hàng	30.3	1.2%	1.4	4,634	6.2	14,982	2.0		17.6%	Link
MBB	Ngân hàng	18.8	1.1%	1.4	3,706	6.8	14,982	1.3	24,400	17.6%	Link
STB	Ngân hàng	28.0	1.1%	1.3	2,295	10.7	4,640	6.0	31,200	30.0%	Link
GVR	BDS KCN	18.8	3.3%	1.1	3,270	3.4	4,603	4.1	19,100	23.2%	Link
KBC	BDS KCN	28.5	1.6%	1.7	951	12.8	4,880	5.8	29,800	29.2%	Link
IDC	BDS KCN	42.0	0.2%	1.7	603	4.9			52,400	42.8%	Link
VGC	BDS KCN	41.5	4.5%	1.7	809	6.6	1,217	34.1		0.5%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	21.4	0.9%	1.0	5,410	10.0	1,916	11.2	25,000	23.4%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	53.0	-0.9%	0.9	10,034	2.1	1,896	28.0	68,300	10.6%	Link
VRE	BDS	26.9	-0.9%	1.2	2,653	5.7	5,227	5.1	36,200	23.9%	Link
KDH	BDS	29.4	-1.0%	0.4	916	2.1	1,576	18.7	37,700	32.5%	Link
NLG	BDS	32.5	1.6%	1.5	543	2.6	2,557	12.7	38,100	44.9%	Link
DGC	Phân bón	54.6	1.9%	1.5	902	12.2	14,120	3.9	60,500	18.4%	Link
DPM	Dầu khí	31.6	-0.9%	1.3	538	2.7	6,793	4.7	42,000	3.0%	Link
DCM	Dầu khí	24.1	-0.8%	0.8	555	2.9	2,625	9.2	29,000	18.1%	Link
GAS	Dầu khí	92.0	-0.9%	0.7	7,656	2.2	2,292	40.1	122,300	41.1%	Link
PLX	Dầu khí	37.5	-0.1%	1.1	2,069	0.7	1,340	27.9	45,000	20.4%	Link
PVS	Dầu khí	30.6	-1.3%	1.2	636	8.4	993	30.8	33,000	6.3%	Link
PVD	Dầu khí	23.9	-1.2%	1.5	578	4.2	7,698	3.1	26,000	49.0%	Link
POW	Tiện ích	13.7	0.0%	1.2	1,390	3.0	3,895	3.5	14,500	55.8%	Link
VNM	Bán lẻ	66.1	0.0%	1.2	6,006	3.5	2,605	25.4	84,500	30.6%	Link
MSN	Bán lẻ	71.8	-0.3%	1.1	4,444	1.0	3,456	20.8	96,000	49.0%	Link
MWG	Bán lẻ	39.3	0.3%	1.3	2,500	4.9	7,475	5.3	55,200	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	70.3	-0.8%	0.8	1,003	1.1	2,965	23.7	95,000	29.0%	Link
VHC	Thủy sản	59.1	0.9%	1.2	471	1.7	12,800	4.6	67,500	30.5%	Link
GMD	Logistics	51.0	1.8%	0.7	668	2.5	7,059	7.2	57,000	48.8%	Link
FPT	Công nghệ	83.5	-0.7%	0.8	4,009	1.9	5,901	14.2	91,900	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.38%	0.60%	0.30%	0.17%
1 tuần	2.12%	3.89%	1.29%	0.56%
1 tháng	3.73%	8.57%	2.79%	1.58%
3 tháng	6.36%	17.00%	4.99%	5.31%



Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	28.0	-0.2%	1.2	5,840	2.9	3,520	7.9	1.2	27.4%	16.1%
ACB	Ngân hàng	21.4	0.9%	1.1	3,614	11.9	3,742	5.7	1.3	30.0%	26.3%
HDB	Ngân hàng	18.6	1.1%	0.9	2,034	2.0	3,149	5.9	1.2	19.7%	22.6%
LPB	Ngân hàng	14.7	1.4%	1.4	1,105	4.1	2,732	5.4	1.0	4.3%	19.9%
VIB	Ngân hàng	21.6	0.7%	1.3	1,975	4.0	4,163	5.2	1.4	20.5%	29.7%
VND	Chứng khoán	18.2	4.0%	2.0	964	28.3	489	37.2	1.5	20.9%	4.8%
TPB	Ngân hàng	26.2	4.6%	1.1	1,798	15.1	4,030	6.5	1.2	30.0%	20.9%
SSI	chứng khoán	23.5	1.3%	1.7	1,528	16.6	1,120	20.9	1.5		7.9%
CII	Xây dựng	17.5	-0.6%	1.9	192	6.4	218	80.4	0.8	10.2%	1.0%
C4G	Xây dựng	13.4	-0.7%	2.1	196	2.1	791	16.9	1.2	0.0%	8.2%
CTD	Xây dựng	64.0	0.0%	1.9	206	1.0	184	347.9	0.6	48.5%	0.2%
HHV	Xây dựng	14.7	-0.3%	1.8	196	4.2	966	15.2	0.6	2.6%	3.9%
LCG	Xây dựng	13.5	-0.7%	2.1	111	6.5	781	17.3	1.0	3.3%	5.9%
BCM	KCN	77.7	-0.4%	1.0	3,497	0.1	1,170	66.4	4.7	2.8%	8.1%
HUT	KCN	18.4	-0.5%	1.5	279	1.6	162	113.7	1.6	1.9%	1.4%
PHR	KCN	47.5	0.0%	1.5	280	0.8	6,039	7.9	1.8	15.4%	24.1%
SZC	KCN	36.2	0.6%	1.9	157	1.7	1,323	27.4	2.3	3.0%	8.9%
HSG	Vật liệu	15.2	-1.3%	2.1	395	9.9	(1,754)		0.9	15.4%	-9.6%
HT1	Vật liệu	15.0	-0.7%	1.5	249	0.7	386	38.8	1.1	3.5%	2.9%
NKG	Vật liệu	15.4	-1.0%	2.3	176	6.3	(2,586)		0.8	11.5%	-11.8%
PTB	Vật liệu	46.4	0.0%	1.0	137	0.4	6,017	7.7	1.2	13.7%	19.5%
KSB	Vật liệu	26.6	-0.7%	1.7	88	2.8	1,393	19.1	1.0	3.6%	5.6%
NVL	BDS	13.9	3.0%	1.0	1,179	18.4	362	38.4	0.7	5.5%	1.9%
DXG	BDS	15.2	1.7%	2.2	402	12.1	(240)		1.0	19.3%	-1.6%
HDC	BDS	36.6	-0.1%	1.4	172	1.4	3,157	11.6	2.1	1.8%	20.9%
DIG	BDS	22.2	3.7%	2.5	587	22.1	262	84.6	2.0	5.5%	2.1%
IJC	BDS	14.6	-0.7%	2.1	160	1.8	1,662	8.8	0.9	6.0%	11.2%
BSR	Dầu khí	17.0	0.0%	1.5	2,292	6.7	4,750	3.6	1.0	41.1%	33.2%
PVT	Dầu khí	21.1	-0.7%	1.3	297	2.6	2,740	7.7	1.1	15.1%	15.4%
PLC	Săm lốp	37.4	2.5%	1.8	131	0.8	1,355	27.6	2.4	1.1%	8.2%
DRC	Tiện ích	21.9	0.5%	1.3	113	0.3	2,246	9.8	1.4	8.9%	14.4%
REE	Tiện ích	61.3	-0.3%	0.8	1,089	1.2	6,714	9.1	1.6	49.0%	18.6%
GEX	Tiện ích	16.5	6.8%	1.8	611	26.1	10	1652.3	1.2	11.9%	0.1%
NT2	Tiện ích	33.0	0.0%	0.8	413	0.5	3,245	10.2	2.1	16.1%	20.9%
HDG	Tiện ích	36.7	0.0%	1.5	390	1.6	4,718	7.8	1.6	21.7%	22.6%
PC1	Tiện ích	30.2	0.2%	1.3	355	2.3	1,257	24.0	1.6	8.3%	6.8%
GEG	Tiện ích	17.2	0.0%	1.1	241	1.3	956	18.0	1.8	46.5%	5.7%
BCG	Dầu khí	9.8	0.4%	2.1	227	3.4	220	44.4	0.8	1.8%	1.5%
SAB	Bán lẻ	158.2	0.1%	0.2	4,411	0.9	7,649	20.7	4.2	62.5%	22.1%
QNS	Bán lẻ	45.0	4.4%	0.5	698	1.6	4,226	10.6	1.8	18.9%	17.5%
FRT	Bán lẻ	64.9	1.9%	1.4	334	2.0	1,863	34.8	3.8	30.2%	11.5%
DGW	Bán lẻ	36.2	2.3%	1.8	263	3.6	3,397	10.7	2.4	22.5%	24.7%
DBC	Bán lẻ	19.6	-2.0%	2.0	206	3.7	(1,339)		1.1	6.0%	-7.2%
PET	Bán lẻ	26.2	1.6%	2.3	113	1.1	1,026	25.5			4.3%
BAF	Bán lẻ	23.8	-1.2%		149	2.2	1,409	16.9	1.8	0.2%	11.8%
ANV	Thủy sản	33.9	2.6%	1.6	196	4.1	4,368	7.7	1.5	5.8%	20.1%
VSC	Logistics	29.2	-0.5%	0.4	154	0.6	2,087	14.0	1.3	3.0%	9.4%
HAH	Logistics	40.2	-1.3%	1.1	123	4.0	9,072	4.4	1.2	7.9%	34.4%
CTR	Công nghệ	72.8	2.5%	1.3	362	0.5	4,040	18.0	4.8	10.7%	29.3%
TNG	Dệt may	19.9	-1.0%	1.7	91	1.6	2,879	6.9	1.3	15.8%	19.3%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2022		x	Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2019	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
14	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
18	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
19	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
20	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
21	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
22	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
23	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
24	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
25	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
26	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
27	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
28	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
29	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
30	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
32	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
33	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
36	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
37	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
39	Covid lần sóng thứ 4	x		Click
40	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
41	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
42	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
43	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
44	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639